



Welcome !



PLACEMENT TEST

Vietnamese Beginner 2

What would you say in Vietnamese in the following situations?

1. You want to find out if your classmate likes to play sport. You ask:
 - A. Anh chơi thể thao thích không?
 - B. Anh thích chơi thể thao không?
 - C. Anh thích chơi thể thao nào?

2. You want to know if your friend is Australian. You ask:
 - A. Chị là người Úc, phải không?
 - B. Chị người Úc không?
 - C. Chị có người Úc không?

3. You want to ask a man how long he has learn Vietnamese. You say:
 - A. Anh học tiếng Việt ở đâu?
 - B. Anh thích tiếng Việt không?
 - C. Anh học tiếng Việt bao lâu?

4. If you want to buy a bicycle, you say:
 - A. Tôi muốn mua một cái xe đạp
 - B. Tôi mua một cái xe đạp
 - C. Tôi muốn mua một con xe đạp

5. You want to say today is Monday, July 22
 - A. Hôm nay là thứ Hai, ngày hai mươi một tháng bảy
 - B. Hôm nay là thứ Hai, ngày hai mươi hai tháng bảy
 - C. Ngày mai là thứ Hai, ngày hai mươi hai tháng bảy



Welcome !

6. You want to know what your friend USUALLY do on weekend.
 - A. Cuối tuần thường anh làm gì?
 - B. Làm gì cuối tuần vậy?
 - C. Cuối tuần anh thường làm gì?

7. You want to say she is working for a foreign company.
 - A. Chị ấy đang làm việc cho một công ty nước ngoài
 - B. Chị ấy làm việc cho một công ty nước ngoài
 - C. Chị ấy cho một công ty nước ngoài làm việc

8. You see a sign "No smoking", it means
 - A. Phải hút thuốc
 - B. Cấm hút thuốc
 - C. Muốn Hút thuốc

9. You want to say you have a visitor waiting for you
 - A. Tôi có khách đang đợi
 - B. Tôi đang đợi có khách
 - C. Tôi đang có đợi khách

10. Someone ask IF you can swim. You can, so you reply
 - A. Tôi được chơi bóng rổ
 - B. Tôi không chơi bóng rổ
 - C. Tôi chơi bóng rổ được

11. You want to say he runs the fastest
 - A. Anh ấy chạy nhanh nhất
 - B. Anh ấy chạy nhanh
 - C. Anh ấy chạy chậm nhất

12. You want to say it takes me 15 minutes to get to school
 - A. Tôi đi đến trường mất 15 phút
 - B. Tôi đi đến trường 15 giây
 - C. Tôi đi trường mất 15 giờ



Welcome !

13. You want to know what your friend would like to do in her free time
- A. Khi rảnh, chị thích làm gì?
 - B. Khi không bận, chị muốn làm gì?
 - C. Khi rảnh, chị làm nào?
14. You want to know which activity your classmate likes to do more: travel or play cards.
You ask:
- A. Chị thích hơn du lịch hơn chơi bài không?
 - B. Chị thích du lịch hơn chơi bài, phải không?
 - C. Chị thích hơn du lịch hoặc chơi bài không?

Please type your answer and email to info@sydneylanguagesolutions.com.au and we will email you about your suitability for the class.

Thank you for your interest in learning Vietnamese with us!!